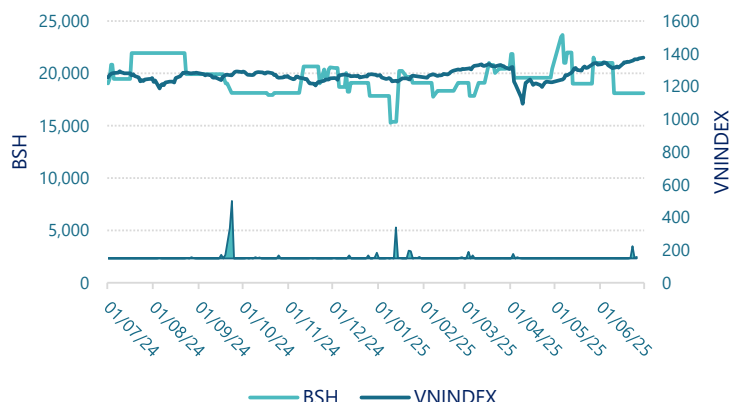


CTCP Bia Sài Gòn - Hà Nội (UPCOM: BSH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,673
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,273
SL cổ phiếu LH	18,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	326
P/E	12.7
EPS	1,427

DT thuần

Q2/25

137

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.0 | 26.0%

YoY: ▼ 45.0 | -24.6%

LN sau thuế

Q2/25

6.76

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.12 | 597%

YoY: ▼ 7.84 | -53.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

6.1%

+/- YoY: ▼ 4.3%

DT thuần

6T 2025

246

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 66.0 | -21.3%

LN sau thuế

6T 2025

5.39

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 15.3 | -73.9%

ROE

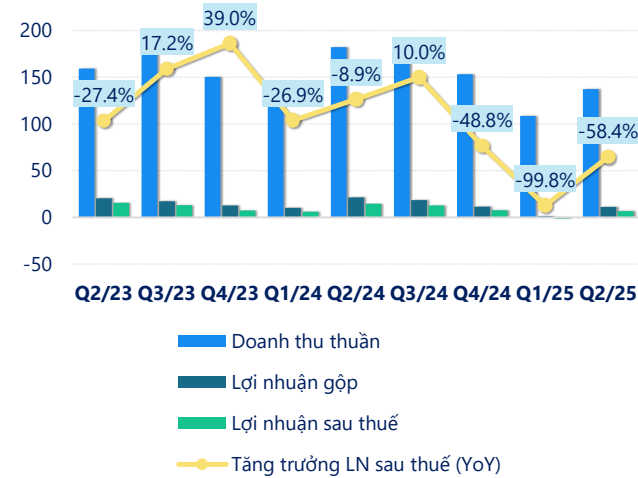
Q2/25

8.6%

+/- YoY: ▼ 4.9%

tỷ VNĐ

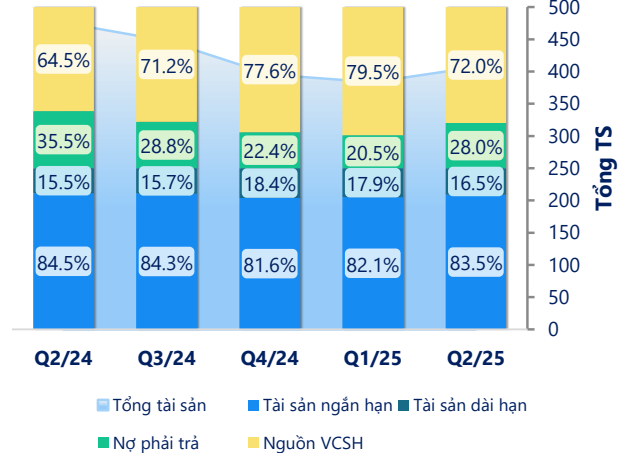
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

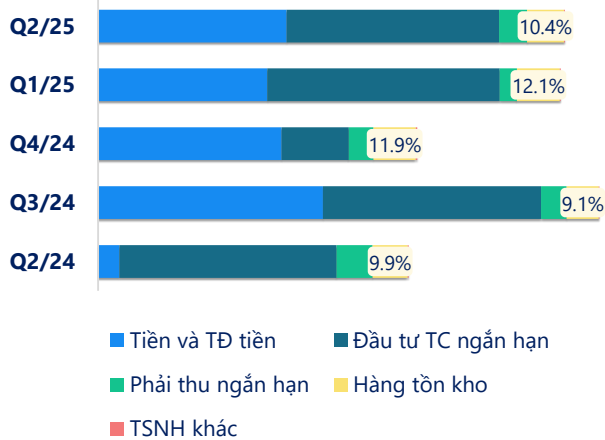
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



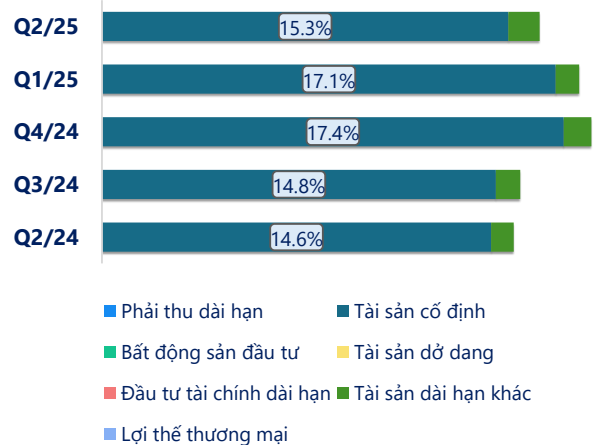
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

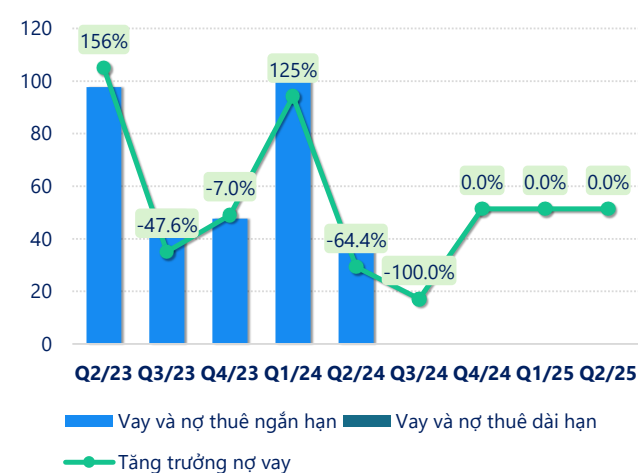
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

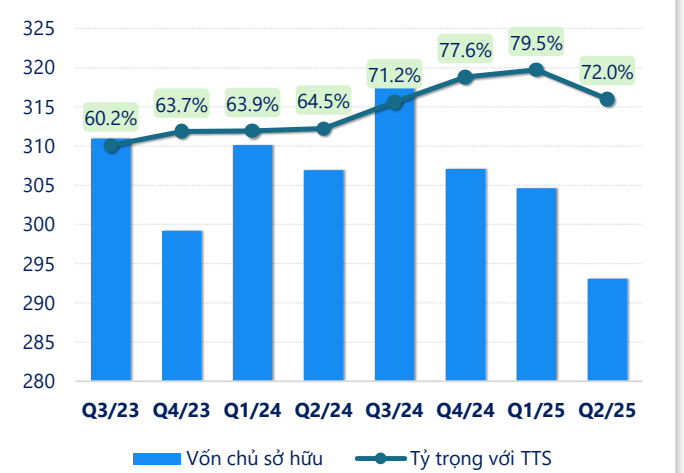
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

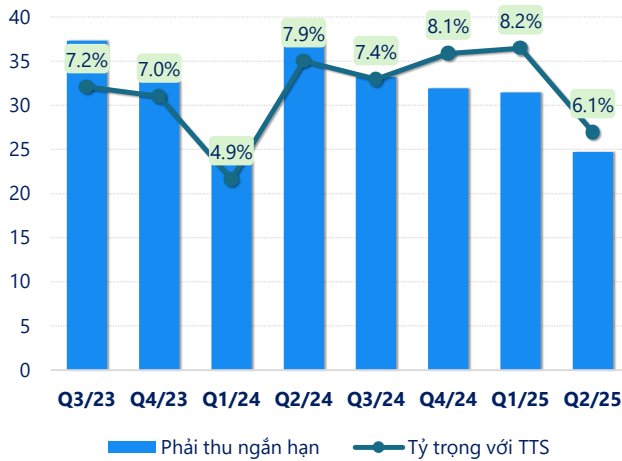
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



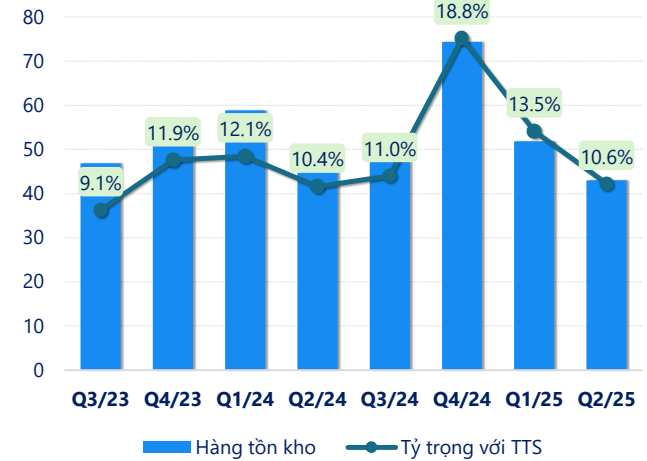
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


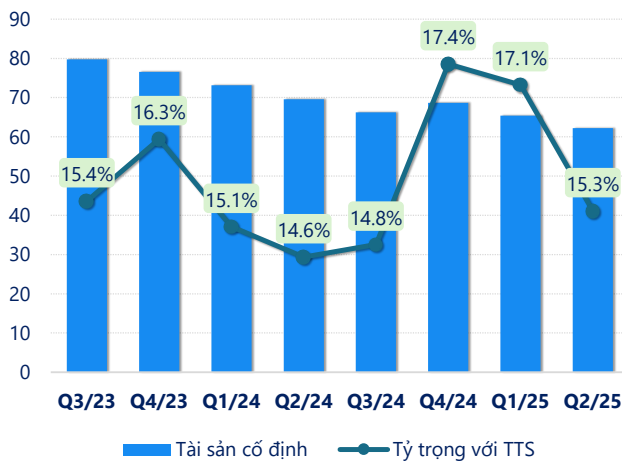
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


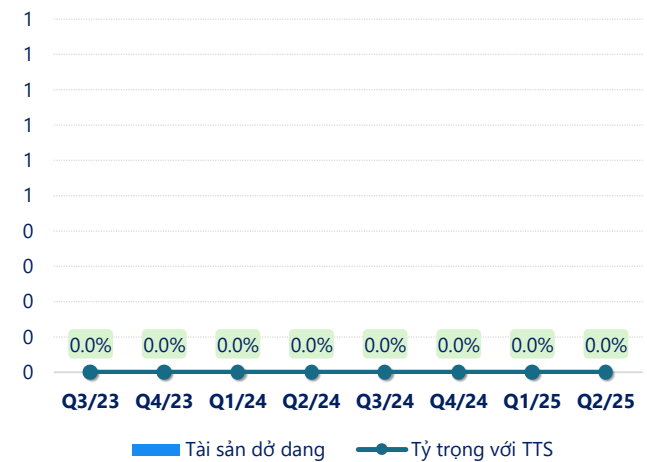
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

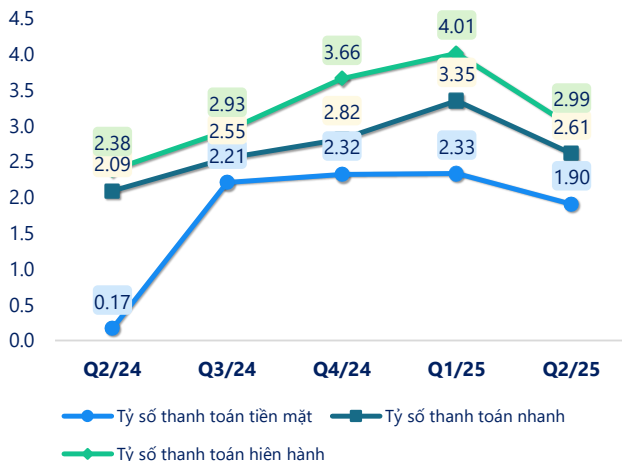
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

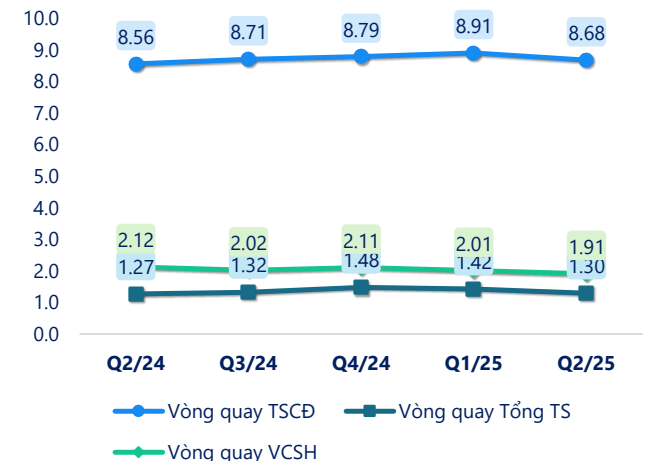
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	476	447	396	383	407
Tài sản ngắn hạn	402	377	323	315	340
Tiền và tương đương tiền	28.4	284	205	183	216
Đầu tư tài chính ngắn hạn	285	10.0	10.0	47.0	55.0
Phải thu ngắn hạn	37.5	33.2	31.9	31.5	24.7
Hàng tồn kho	49.5	49.2	74.3	51.9	43.0
Tài sản ngắn hạn khác	1.43	0.92	1.66	1.24	0.87
Tài sản dài hạn	73.7	70.4	72.8	68.8	67.0
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	69.6	66.3	68.7	65.4	62.2
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.08	4.15	4.14	3.37	4.78
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	169	129	88.5	78.7	114
Nợ ngắn hạn	169	129	88.2	78.4	114
Vay và nợ thuê ngắn hạn	38.0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	17.2	8.41	15.2	9.50	10.4
Nợ dài hạn	0.24	0.25	0.25	0.32	0.33
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	307	319	307	305	293
Vốn chủ sở hữu	307	319	307	305	293
Vốn điều lệ	180	180	180	180	180
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)